

NHỮNG BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA NỀN GIÁO DỤC NHẬT BẢN TỪ CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẾN NAY

ĐẶNG XUÂN KHÁNG

Dại học KHXH và NV - ĐHQGHN

Vào những năm 60, ở Nhật Bản bắt đầu xuất hiện cái gọi là "Lý thuyết đầu tư trong giáo dục" dựa trên cơ sở đã được nghiệm chứng "về sau" những thành quả của sự nghiệp giáo dục mà ban lãnh đạo nước này đã thực hiện một cách kiên quyết và có hệ thống kể từ Minh Trị duy tân.

Giáo dục đã trở thành một yếu tố không thể thiếu được trong quá trình biến đổi Nhật Bản từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một quốc gia công nghiệp thuộc loại hàng đầu thế giới.

1. NHỮNG DI SẢN CỦA NỀN GIÁO DỤC

Nói chung, khi đánh giá quá trình hiện đại hóa Nhật Bản, các nhà nghiên cứu Nhật Bản cũng như nước ngoài đều có cái nhìn tương tự về vai trò to lớn của ngành Giáo dục. Trong một bản khuyến nghị của Chính phủ gửi Hội đồng Giáo dục Trung ương về việc chuẩn bị chương trình cải cách giáo dục lần thứ 3, đào tạo thế hệ người Nhật Bản cho thế kỷ XXI, có viết: "Nền giáo dục Nhật Bản đã đi được những bước vĩ đại ở thế kỷ trước, và trình độ phổ cập trong xã hội rất cao, ngay cả khi so sánh với trình độ người nước ngoài. Điều này đã đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển và cải biến đất nước chúng ta thành quốc gia hiện đại". Giống như ông Shin Hamao đã phát biểu trong buổi khánh thành trường Thủ công nghiệp Tokyo (nay là Viện kỹ thuật Tokyo) vào những năm 80 của thế kỷ trước rằng: "Trong nước chúng ta... không phải những công nghiệp và nhà máy phát triển đầu tiên, tiếp theo là sự sáng lập các trường kỹ thuật mà chính các trường kỹ thuật được dựng lên để đào tạo những người có bằng cấp với nhiệm vụ khai sáng và phát triển các ngành công nghiệp và các nhà máy". Còn R. P. Doa thì coi những di sản giáo dục của thời đại phong kiến Tokugawa đã góp phần vào sự phát triển cơ cấu chính trị và công nghiệp hóa sau Minh Trị duy tân. Đặc biệt ôn nhấn mạnh đến sự tồn tại của chế độ học đường và rất phát triển ở Nhật Bản trong thế kỷ thứ XVII đến đầu thế kỷ XIX. Đương nhiên, chế độ trường học khi đó chưa phải giống như hiện nay. Nhưng người ta cho rằng trên toàn cõi Nhật Bản lúc đó đã có tới 17.000 trường học khác nhau kể từ trường học có trình độ cao của các hạn(*) hay Mạc Phủ, đến các trường tư thục, Terakoya (trường chùa), và các loại khác. Từ đó R. P. Doa suy đoán rằng có khoảng 15% phụ nữ và 50% nam giới nhận được sự giáo dục ở ngoài phạm vi gia đình vào cuối thời kỳ phong kiến Tokugawa. Nhưng những nghiên cứu gần đây nhất cho rằng vào giữa thế kỷ XIX, Nhật Bản có hơn 40% nam giới biết đọc. Tỷ lệ học sinh và người biết chữ tương đương với Anh và Pháp cùng thời. Ở đây không thể không nhắc lại một lần nữa rằng, đó là một sức mạnh to lớn đối với việc hiện đại hóa Nhật Bản.

Sau Minh Trị duy tân, nhà cầm quyền Nhật Bản đã tập trung mọi cố gắng vào 3 lĩnh vực trong đó có giáo dục nhằm đưa Nhật Bản lên địa vị một quốc gia hiện đại. Vì vậy, Bộ Giáo dục (Monbusho) đã được thành lập năm 1871 nhằm xây dựng và quản lý hệ thống giáo dục thống nhất trong toàn quốc. Tính chung suốt thời kỳ Minh Trị, chính quyền đã dành tới 1/3 tổng ng

(*) "Hạn" có nghĩa là lãnh địa. Trong thời kỳ Edo toàn Nhật Bản có gần 300 hạn.

sách cho giáo dục. Trong bối cảnh lúc đó, quả thật, đây là một quyết định phi thường. Một năm sau (1872) Pháp lệnh về hệ thống giáo dục đã được công bố.

Theo Pháp lệnh này, toàn quốc được chia thành thành 8 khu đại học. Mỗi trường đại học phải quản lý 32 trường trung học và mỗi trường trung học có 210 trường tiểu học phụ thuộc. Nghĩa là cả nước sẽ lập 8 trường đại học, 256 trường trung học và 53.760 trường tiểu học. Đó là một kế hoạch to lớn nhưng quá tham tham, khiến cho việc thực hiện khó khăn và rất nhiều trở ngại. Dù sau cũng phải thừa nhận rằng đó là những ý tưởng tuyệt vời nhằm nâng cao trình độ văn hóa và giáo dục của toàn dân như trong Pháp lệnh khẳng định:

"Giáo dục phải được truyền bá trong dân chúng nam cũng như nữ, ... để không còn gia đình nào mù chữ trong mỗi làng mạc, không còn người nào mù chữ trong mỗi gia đình" [1].

Cùng với việc mở rộng hệ thống trường học, Chính phủ đã gửi 550 sinh viên ưu tú ra nước ngoài học tập. Đồng thời mời 2.000 giáo viên và giáo sư nước ngoài (trong đó 50% là người Anh) đến giảng dạy tại Nhật Bản với tiền lương ưu đãi. Nhiều Giáo sư được đãi thọ mức lương cao gấp 3 lần của Thủ tướng Chính phủ.

Nhờ những cố gắng đó nên trong một thời gian rất ngắn Nhật Bản đã đào tạo được một nguồn nhân lực xuất sắc, khiến một người Pháp đến Nhật Bản năm 1887 đã phải thốt lên một cách kinh ngạc rằng: *"Nhìn vào tiêu chuẩn giáo dục sơ đẳng ở Nhật Bản, những người Châu Âu chúng ta không ai là không đố mặt... Không một làng nào không có trường học, không có ai không biết đọc" [2].* Thử nhìn vào con số thống kê. Tỷ lệ người đi học vào năm 1903 theo chế độ giáo dục bắt buộc (4 năm) là 95,8% nam giới và 87,0% nữ giới. Hơn nữa, vào năm 1906 khi chế độ giáo dục cưỡng bức gia tăng thành 6 năm thì số trẻ em đến trường lên tới 98,2% nam và 94,8% nữ [3].

Chế độ giáo dục được xác lập sau Minh Trị duy tân, tuy có một số điểm bù xung, nhưng về căn bản vẫn được duy trì cho đến khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, với công thức 6-5-3-3, nghĩa là 6 năm tiểu học, 3 năm trung học, 3 năm cao đẳng và 3 năm đại học. Mặt khác, trong thời gian quân đội Mỹ chiếm đóng Nhật Bản đã tiến hành cải cách toàn diện chế độ giáo dục lần thứ hai nhưng những hình hài của nền giáo dục ấy vẫn được tiếp tục một cách căn bản.

2. NHỮNG THAY ĐỔI CỦA CHẾ ĐỘ HỌC ĐƯỜNG

Chế độ học đường của Nhật Bản đã có một cơ sở chắc chắn để giữ một vai trò trọng yếu cho việc xúc tiến hiện đại hóa Nhật Bản, mà cơ bản là thực hiện quốc sách "Phú quốc cường binh, chấn hưng công nghiệp" được đặt ra từ thời Minh Trị. Nhưng một điều không thể không đề cập đến là, đồng thời với việc phổ cập giáo dục nghĩa vụ, chế độ giáo dục thời Minh Trị cho phép chọn được những nhân tài với tư cách là những người đảm đương sứ mệnh hiện đại hóa. Cùng với sự tăng tiến của nền công nghiệp đã đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với giáo dục. Sắc lệnh về đại học năm 1918 là cơ sở cho việc mở rộng ngành giáo dục cao đẳng để đáp ứng yêu cầu này.

Những biến đổi như thế trải ra trên phạm vi ngày càng rộng cùng với cơ cấu công nghiệp Nhật Bản chuyển sang công nghiệp nặng và đòi hỏi những nhà kỹ thuật thực chất có trình độ cao. Việc thành lập hoặc mở rộng một loạt trường công nghiệp chính là do bối cảnh này. Đặc biệt trong thời kỳ Taisho (1912-1926) những trường thực nghiệm mới xuất hiện rất nhiều.

Bước sang những năm 30, khi xu hướng quân phiệt ngày càng được củng cố ở Nhật Bản, thì giáo dục cũng bị kiểm chế một cách chặt chẽ. Vào năm 1941 ngành giáo dục hoàn toàn đặt trong chế độ thời chiến. Tất cả các trường tiểu học phải đổi tên thành "Trường Quốc dân", thời gian

học cao đẳng và đại học bị cắt bớt. Năm 1943 hủy bỏ chế độ hoãn binh đối với học sinh. Đến năm 1944 hầu hết nam nữ học sinh đại học, cao đẳng và trung học bị động viên ra trận hoặc đến các nhà máy, các vùng nông thôn. Giáo dục hầu như ngừng trệ hoàn toàn, trừ cấp tiểu học.

Chiến tranh kết thúc, Nhật Bản vừa phải khôi phục lại các trường học bị tàn phá bởi các cuộc ném bom của không quân Mỹ, vừa phải từ bỏ nền giáo dục quân phiệt của quá khứ và thực hiện thể chế giáo dục dân chủ mới.

Theo phương hướng và chỉ thị cứng rắn của quân đội chiếm đóng, Nhật Bản đã tiến hành cải cách giáo dục trên cơ sở hai đạo luật: "Luật Giáo dục cơ bản" và "Luật Giáo dục học đường" ban hành tháng 3 năm 1947, với mục đích "Giáo dục nhằm phát triển toàn diện nhân cách, làm cho nhân dân lành mạnh cả về tinh thần lẫn thể chất, tràn đầy tinh thần tự chủ, trong trách nhiệm lao động, tôn trọng giá trị cá nhân, yêu chính nghĩa và chân lý, với tư cách là những người xây dựng xã hội và quốc gia hoà bình" [6].

Đạo luật cũng ấn định cái khung cho hệ thống giáo dục, được mệnh danh là "hệ thống 6-3-3-4" thiết lập theo mô hình của Mỹ, với nguyên tắc tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người nhận được trình độ giáo dục cao nhất. Mặc dầu Nhật Bản đang phải gánh chịu những khó khăn gay gắt do thất bại trong chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng việc áp dụng chế độ giáo dục cưỡng bức 9 năm (6 năm tiểu học, 3 năm trung học) vẫn được thi hành. Và chỉ có sự hỗ trợ của một nhu cầu dai dẳng của quần chúng đối với giáo dục, bên cạnh những cố gắng của chính quyền thì điều đó mới có thể thực hiện được. Những chế độ giáo dục mới được bắt đầu từ năm 1947 đối với hệ tiểu học và trung học, từ năm 1948 với hệ cao đẳng và từ năm 1949 ở các trường đại học. Việc chấn hưng chế độ giáo dục ở nhà trường cùng với chế độ giáo dục định kỳ (tạ chức) của các trường cao đẳng được bắt đầu từ năm 1953 nhằm giáo dục lao động cho thanh thiếu niên, mà kết quả là tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cao đẳng đạt tới 60% vào năm 1961 và tăng lên 94,2% vào năm 1980. Sau đó, không có những cải cách gì lớn trong hệ thống giáo dục mới, ngoại trừ việc thiết lập hệ thống trường cao đẳng chuyên nghiệp 5 năm vào năm 1961 và bảo tồn hệ thống đại học ngắn hạn năm 1964. Trong thời gian này, một số lớn những người học cao, xuất thân từ hệ thống mới, đã tạo thành một sự giúp đỡ chủ yếu cho nước Nhật hoàn thành sự phát triển kinh tế nhanh chóng kể từ sau những năm 50.

Cũng nhờ hệ thống giáo dục mới này mà tỷ lệ tốt nghiệp đại học đã tăng lên nhanh chóng, từ 16,3% (năm 1966) lên 39,2% (năm 1976) và 37,9% (năm 1980), cao hơn Anh, Pháp, Đức và gần bằng Hoa Kỳ.

Một điểm nữa, nếu nhìn thẳng vào biểu thể hiện trình độ học tập của những người tốt nghiệp năm 1975 trước khi nhận được việc làm, chúng ta có thể thấy rõ hơn vai trò của họ trong xã hội.

Ngành nghề	Dạng tốt nghiệp	Người tốt nghiệp trung học	Tốt nghiệp cao đẳng	Tốt nghiệp đại học ngắn hạn	Tốt nghiệp đại học
	1	2	3	4	5
1. Nghề có tính chất chuyên môn + kỹ thuật		0,0	3,5	38,4	39,1
2. Nghề quản lý. Kinh tế		0,0	0,0	0,3	0,8
3. Nghề có tính chất sự vụ		1,3	39,1	51,5	35,5

1	2	3	4	5
4. Nghề có tính chất buôn bán	5,5	15,3	3,7	19,1
5. Nông lâm nghiệp	2,1	2,1	0,5	0,2
6. Nghề cá	1,6	0,2	0,0	0,0
7. Khai mỏ	0,1	0,1	0,0	0,0
8. Giao thông - vận tải	1,3	2,9	0,2	0,3
9. CN kỹ xảo - sản xuất	66,4	27,6	1,7	0,9
10. Bảo hiểm	0,4	2,4	0,3	1,7
11. Phục vụ	17,6	5,5	2,2	1,3
12. Các ngành khác	3,9	1,4	1,2	1,1
Tổng cộng	100,0	100,0	100,0	100,0
Con số thực tế	93987	590893	103314	232683

Nguồn: "Sách giáo khoa xã hội học", tập 3, Giáo dục, năm 1978, trang 177 (tiếng Nhật).

Vậy là, hơn một nửa thế kỷ qua, giáo dục Nhật Bản đã đi được những bước thật dài. Sau một sai lầm ghê gớm trong chiến tranh thế giới thứ hai, nước Nhật phải làm lại tất cả và họ đã giành được những kết quả diệu kỳ về kinh tế. Và, cái bí quyết của sự thành công ấy vẫn chính là giáo dục mà không phải bắt cứ một dân tộc nào cũng dễ dàng nhận thấy và can đảm tiến hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu về cuộc cải cách giáo dục lần thứ 3, Monbusho, Nhật Bản, 1972.
2. Tìm hiểu Nhật Bản. NXB Đại học Waseda, 1987, quyền trung, Tr. 31 (tiếng Nhật).
3. Điều 1, Luật Giáo dục cơ bản. Tìm hiểu Nhật Bản. Sdd, số 2, Tr. 35.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n^o2, 1995

EDUCATION AND MODERNIZATION IN JAPAN

DANG XUAN KHANG

College of Soc. Sci. and Humanities - VNU

Over the past 100 years, since Meiji renovation in 1868 Japanese education has obtained great achievements and contributed remarkably to making Japan a first ranked industrial country of the world. Japan is now in the third educational renovation. Each renovation of education has influenced much on Japanese social economic development. If the first educational renovation carried out in Meiji Court's time in late 19th century affected directly the economic growth pace in 1910's the second one after the second War contributed remarkably to the magical development stage since the late 1950's. The present renovation is to make preparations for Japan to enter the 21st century and according to a lot of researchers prediction (at that time) Japan will much more. That is the issue that the writer would like to present partly in the paper.